

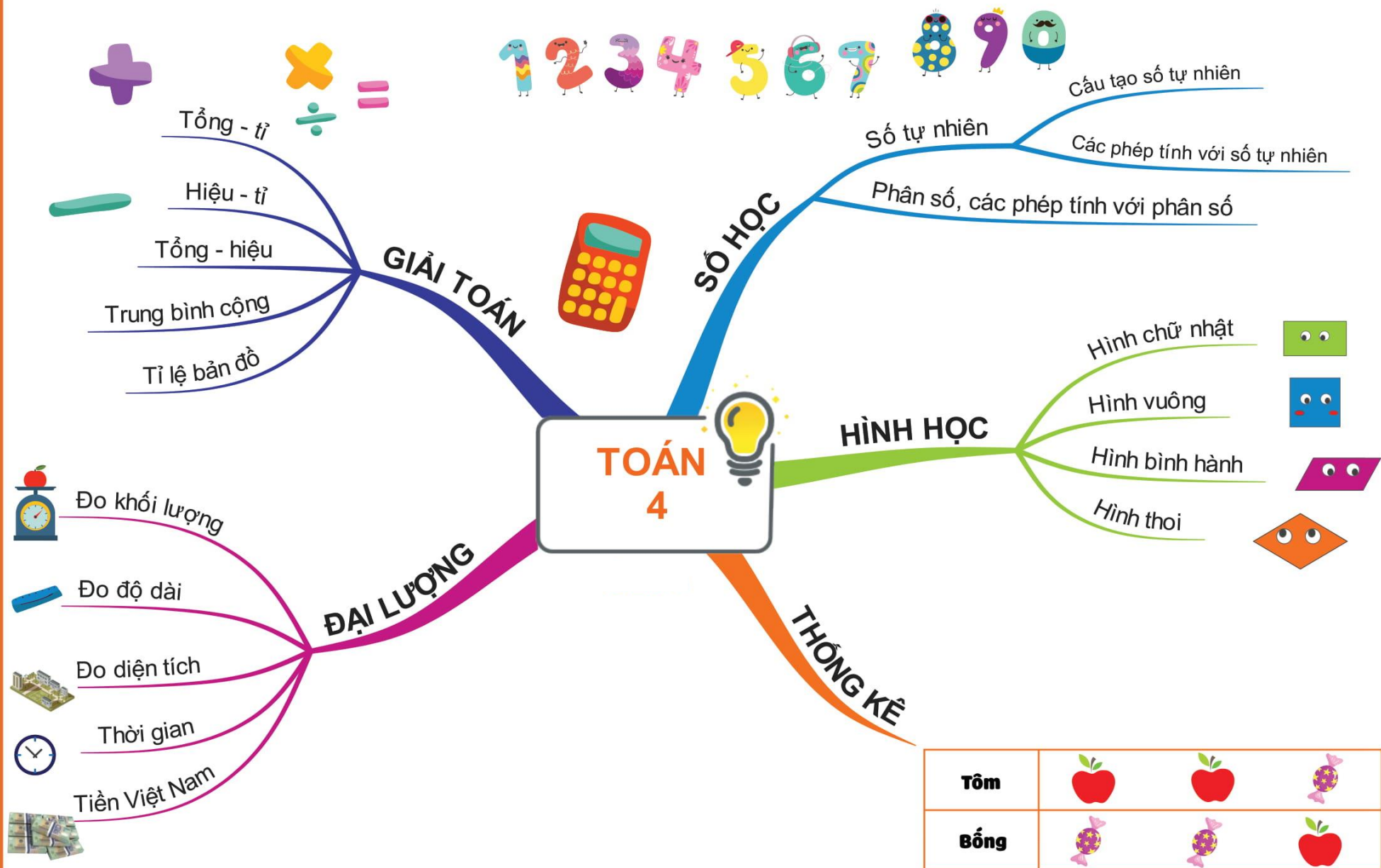
SƠ ĐỒ TƯ DUY
Toán lớp 1-5

1 2 3 4



ABC





HÌNH HỌC

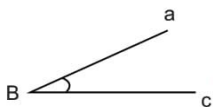
4

CÁC LOẠI GÓC

Góc vuông



Góc nhọn



Góc tù

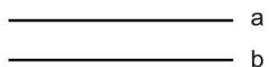


Góc bẹt

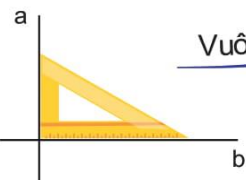


HAI ĐƯỜNG THẲNG

Song song



Vuông góc

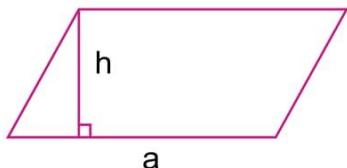


HÌNH BÌNH HÀNH

Chu vi: $P = (a + b) \times 2$

Diện tích: $S = a \times h$ (a: đáy, h: chiều cao)

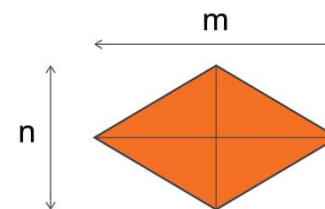
a : Đáy
h: Đường cao



HÌNH VUÔNG

Chu vi: $P = a \times 4$

Diện tích $S = a \times a$



HÌNH THOI

Chu vi: $P = a \times 4$

Diện tích: $S = (m \times n) : 2$

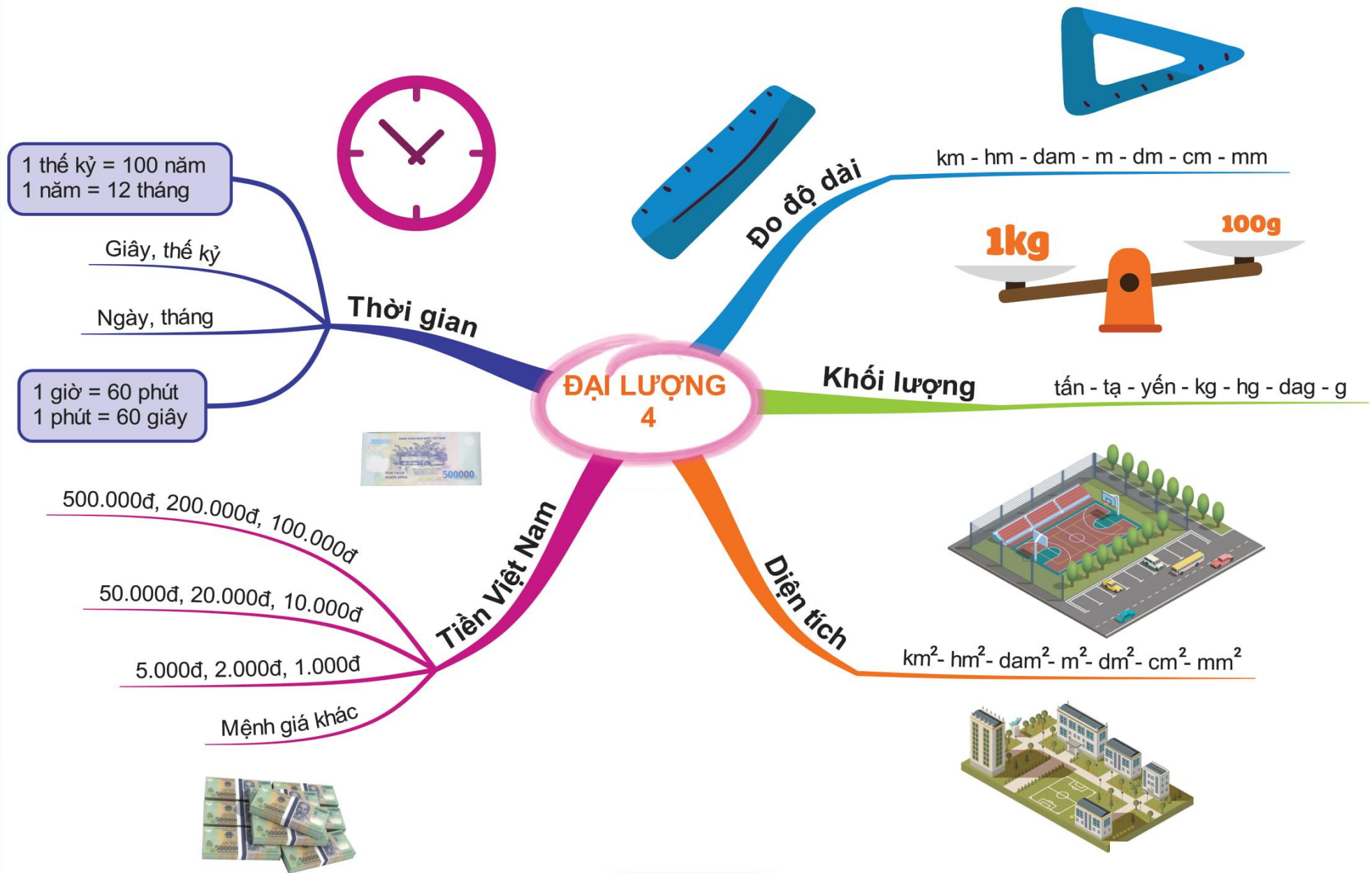
m, n: Đường chéo

HÌNH CHỮ NHẬT

Chu vi: $P = (a + b) \times 2$

Diện tích: $S = a \times b$





GIẢI TOÁN 4

Tổng - Tỉ

- Bước 1: Vẽ sơ đồ
- Bước 2: Tìm tổng số phần
- Bước 3: Tìm giá trị 1 phần
- Bước 4: Tìm số lớn, số bé

Hiệu - Tỉ

- Bước 1: Vẽ sơ đồ
- Bước 2: Tìm hiệu số phần
- Bước 3: Tìm giá trị 1 phần
- Bước 4: Tìm số lớn, số bé

Trung bình cộng (TBC)

Số TBC = Tổng các số hạng : Số các số hạng

Tổng - Hiệu

Số bé = (Tổng - Hiệu) : 2 = ...

Số lớn = (Tổng + Hiệu) : 2 = ...

Tìm phân số của một số

Ví dụ: Tìm $\frac{2}{3}$ của số 15 $15 \times \frac{2}{3} = 10$



SỐ HỌC 4 (phần 1)

SỐ TỰ NHIÊN

CẤU TẠO

Hàng và lớp

Dùng 10 chữ số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 để lập số

So sánh 2 số

Số nào nhiều chữ số hơn thì lớn hơn

Nếu có cùng số chữ số: So sánh các chữ số ở cùng hàng với nhau



Phép trừ ($a - b = c$)

Phép cộng ($a + b = c$)

Giao hoán: $a + b = b + a$

Kết hợp: $(a + b) + c = a + (b + c)$

Tính chất

Giao hoán: $a \times b = b \times a$

Kết hợp: $(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$

Phân phối:
 $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$
 $a \times b - a \times c = a \times (b - c)$

Phép nhân ($a \times b = c$)

Các phép tính nhân liên quan

Nhân với 10, 100, 1000

Nhân với số có chữ số tận cùng là 0

Nhân một số với một tổng, một hiệu

Nhân nhăm số có hai chữ số với 11

Nhân với số có 1 chữ số, 2 chữ số, 3 chữ số



Phép chia hết

Chia một tổng cho một số

Chia cho số có 1 chữ số, 2 chữ số, 3 chữ số

Chia một số cho một tích

Chia một tích cho một số

Chia 2 số có chữ số có tận cùng là các chữ số 0

Thương có chữ số 0

Phép chia có dư



CÁC PHÉP TÍNH

Phép chia ($a : b = c$)

DẤU HIỆU CHIA HẾT

Chia hết cho 2

Chia hết cho 3

Chia hết cho 5

Chia hết cho 9



MATH

SỐ HỌC 4 (phần 2)

$\frac{a}{b} \longrightarrow$ Tử số
 $\frac{a}{b} \longrightarrow$ Mẫu số
($b \neq 0$)

PHÂN SỐ

Các phép tính

Phép cộng

Cùng mẫu

$$\frac{1}{2} + \frac{3}{2} = ?$$

Khác mẫu

Quy đồng mẫu rồi cộng

$$\frac{1}{2} + \frac{2}{3} = ?$$

Phép trừ

Cùng mẫu

$$\frac{3}{2} - \frac{1}{2} = ?$$

Khác mẫu

Quy đồng mẫu rồi trừ

$$\frac{2}{3} - \frac{1}{2} = ?$$

Phép nhân

$$\frac{2}{3} \times \frac{1}{2} = ?$$

Kết hợp

Phép chia

$$\frac{2}{3} \div \frac{1}{2} = ?$$

Giao hoán

Phân phối

Các tính chất của phép tính

...

Tính chất cơ bản của phân số

$$\frac{a}{b} = \frac{a \times m}{b \times m} \quad (m \text{ khác } 0)$$

$$\frac{a}{b} = \frac{a : m}{b : m} \quad (a, b \text{ chia hết cho } m)$$

Bài toán liên quan

Rút gọn phân số

Chia cả tử và mẫu cho cùng một số tự nhiên lớn hơn 1

Quy đồng mẫu số

Dạng 1: Nhân chéo

$$\frac{2}{3} \times \frac{1}{2}$$

Dạng 2: Một trong hai mẫu số chia hết cho mẫu số kia

So sánh phân số

Cùng mẫu: Phân số nào có tử lớn hơn thì phân số đó lớn hơn

Khác mẫu: Quy đồng mẫu số rồi so sánh

So sánh với 1

